

BÁO CÁO

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành
và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌ QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Số: 4570
	Ngày: .. 04.16.18
	Chuyên:

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi năm 2017.

UBND tỉnh báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố như sau:

I. Công tác triển khai xác định Chỉ số CCHC

Trên cơ sở Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 Phê duyệt “Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh (gọi tắt là sở, ban, ngành); UBND các huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) kèm tại Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 24/11/2017. Trong đó, tập trung hai nội dung chính của việc xác định Chỉ số cải cách hành chính là tự đánh giá, chấm điểm kết quả CCHC theo bộ tiêu chí đã xác định và tổ chức điều tra xã hội học đối với các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 28/7/2017.

1. Về công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC

Căn cứ Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản hướng dẫn; các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC năm 2017 theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần và thực hiện báo cáo tự đánh giá, chấm điểm theo quy định.

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, UBND tỉnh giao cho Sở Nội vụ (là cơ quan thường trực của UBND tỉnh về CCHC) tiến hành rà soát kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị; qua đó, đánh giá sự phù hợp của việc chấm điểm, mức điểm của các tiêu chí, tiêu chí thành phần và tính đầy đủ, hợp lý của tài liệu kiểm chứng mà các cơ quan, đơn vị đã báo cáo. Báo cáo UBND tỉnh; đồng thời, thông báo cho các cơ quan, đơn vị về kết quả rà soát sơ bộ

bước đầu để các cơ quan, đơn vị bổ sung tài liệu kiểm chứng, giải trình những tiêu chí chấm điểm chưa phù hợp theo quy định.

Ngày 30/01/2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố năm 2017 (gọi tắt là Hội đồng) gồm đại diện lãnh đạo các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch - Đầu tư và Văn phòng UBND tỉnh (gọi tắt là cơ quan) là những cơ quan được UBND tỉnh giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ CCHC trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh; đồng thời, giao Sở Nội vụ thành lập Tổ giúp việc để giúp Hội đồng thẩm định thực hiện nhiệm vụ tổng hợp tài liệu kiểm chứng, kiểm tra kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện báo cáo Hội đồng thẩm định quyết định theo thẩm quyền; Việc tổ chức thẩm định đã được thực hiện một cách nghiêm túc, có trách nhiệm; từ đó, các kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị đã được rà soát kỹ lưỡng, tỷ mỉ và đánh giá một cách chính xác, công bằng; tạo được sự thống nhất cao trong Hội đồng thẩm định. Qua đó, giúp Chủ tịch UBND tỉnh có cơ sở chắc chắn trong việc phê duyệt, công bố kết quả Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

2. Về công tác điều tra xã hội học

Ngày 04/01/2018, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC năm 2017 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND; trong đó, quy định rõ phạm vi, đối tượng, quy trình, phương pháp điều tra và giao Sở Nội vụ thành lập Tổ điều tra xã hội học để thực hiện việc điều tra xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố năm 2017. Quá trình tổ chức điều tra xã hội học được tiến hành nghiêm túc, bảo đảm đúng đối tượng, thời gian, số lượng mẫu phiếu điều tra và có sự giám sát trong tất cả các khâu từ hướng dẫn, phát phiếu điều tra, tổng hợp phiếu và phân tích kết quả điều tra xã hội học.

II. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2017

Căn cứ kết quả điểm đánh giá, xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và kết quả điểm điều tra xã hội học, Sở Nội vụ, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC đã tiến hành phân tích, tổng hợp, xây dựng báo cáo và thông qua Hội đồng thẩm định. Trên cơ sở thống nhất, đề xuất của Hội đồng thẩm định Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 810 /QĐ-UBND ngày 25/5/2018 về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố năm 2017.

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2017 của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố như sau:

- Cấp tỉnh, có 20/20 cơ quan tham gia đánh giá, chấm điểm, đạt 100%.
- Cấp huyện, có 14/14 UBND cấp huyện tham gia đánh giá, chấm điểm, đạt 100% tổng số đơn vị hành chính cấp huyện.

1. Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh

a) Chỉ số tổng hợp

Tên đơn vị	Kết quả đánh giá năm 2017				
	Điểm tự đánh giá (tối đa 62 điểm)	Điểm thẩm định (tối đa 62 điểm)	Điểm điều tra XHH (tối đa 38 điểm)	Tổng điểm (tối đa 100 điểm)	Ghi chú
Sở Tư pháp	56,50	51,50	25,75	77,25	
Sở Khoa học và Công nghệ	57,50	50,50	25,93	76,43	
Sở Giao thông – Vận tải	56,50	49,75	25,00	74,75	
Sở Nội vụ	56,00	48,50	26,20	74,70	
Sở Tài chính	52,50	47,00	25,00	72,00	
Thanh tra tỉnh	56,00	45,25	25,90	71,15	
Sở Kế hoạch và Đầu tư	56,00	44,50	25,40	69,90	
Sở Thông tin và Truyền thông	51,00	45,00	24,62	69,62	
Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	60,00	42,00	25,90	67,90	
Văn phòng UBND tỉnh	46,00	41,25	25,60	66,85	
Sở Công thương	54,50	41,75	24,75	66,50	
Sở Xây dựng	57,50	40,50	24,25	64,75	
Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi	58,00	40,25	24,25	64,50	
Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch	53,00	40,75	23,68	64,43	
Sở Tài nguyên và Môi trường	50,00	39,00	23,75	62,75	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	47,50	38,00	24,62	62,62	
Sở Y tế	52,00	37,00	24,50	61,50	
Sở Giáo dục và Đào tạo	50,75	36,00	25,31	61,31	
Sở Ngoại vụ	52,50	28,50	26,20	54,70	
Ban Dân tộc	42,00	17,50	22,75	40,25	
Trung bình	53,29	41,23	24,97	66,19	

Điểm số trung bình về Chỉ số CCHC của 20 sở, ban, ngành đạt được là 66,19 điểm. Không có cơ quan nào có kết quả Chỉ số CCHC đạt trên 80 điểm. Có 11 cơ quan đạt Chỉ số CCHC năm 2017 trên mức trung bình.

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2017 của các sở, ban, ngành được chia thành 3 nhóm:

- Nhóm thứ nhất, đạt kết quả Chỉ số CCHC trên 70 điểm có 06 sở; gồm các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Giao thông – Vận tải, Nội vụ, Tài chính và Thanh tra tỉnh.

- Nhóm thứ hai, đạt kết quả Chỉ số CCHC từ 50 điểm đến dưới 70 điểm có 13 sở, ban, ngành; gồm các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Lao động – Thương binh và Xã hội, Công Thương, Xây dựng, Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại vụ; Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi; Văn phòng UBND tỉnh.

- Nhóm thứ ba, có kết quả Chỉ số CCHC dưới 50 điểm: Ban Dân tộc tỉnh.

b) Các chỉ số thành phần

SỐ TT	Tên đơn vị	Điểm UBND tỉnh đánh giá các tiêu chí						
		Công tác chỉ đạo điều hành CC HC (tối đa 10,5 điểm)	XD và tổ chức thực hiện thể chế (tối đa 11,5 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 9,5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 6,5 điểm)	XD và nâng cao chất lượng đội ngũ CC, VC (tối đa 10,5 điểm)	Cải cách tài chính công (tối đa 3 điểm)	Hiện đại hóa hành chính (tối đa 10,5 điểm)
1	Sở Tư pháp	7,50	9,50	9,00	6,50	8,00	3,00	8,00
2	Sở Khoa học và CN	7,00	9,50	9,50	6,00	6,50	3,00	9,00
3	Sở Giao thông – Vận tải	8,00	9,50	9,00	6,50	8,00	3,00	5,75
4	Sở Nội vụ	8,00	9,50	9,50	6,50	7,00	3,00	5,00
5	Sở Tài chính	6,00	8,50	9,00	5,50	7,00	3,00	8,00
6	Thanh tra tỉnh	7,00	9,00	9,00	5,50	7,00	3,00	4,75
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5,00	9,00	8,50	3,50	9,00	3,00	6,50

8	Sở Thông tin và TT	6,50	8,50	9,50	4,50	6,50	3,00	6,50
9	Sở Lao động - TB & XH	6,00	9,50	9,50	5,50	6,00	3,00	2,50
10	Văn phòng UBND tỉnh	3,50	8,00	9,00	3,75	7,50	3,00	6,50
11	Sở Công Thương	5,25	6,50	9,50	5,50	8,50	3,00	3,50
12	Sở Xây dựng	4,00	8,50	9,00	6,50	4,00	3,00	5,50
13	Ban QLKKT DQ & CKCN	4,75	4,00	9,50	5,50	7,00	3,00	6,50
14	Sở Văn hóa – TT và DL	3,25	6,50	9,00	6,00	7,50	3,00	5,50
15	Sở Tài nguyên và MT	3,50	7,00	9,00	5,50	6,50	3,00	4,50
16	Sở Nông nghiệp & PTNT	6,00	4,50	9,00	4,50	7,00	3,00	4,00
17	Sở Y tế	4,50	5,00	8,00	4,50	5,00	3,00	7,00
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	3,50	4,50	8,50	5,00	6,50	2,00	6,00
19	Sở Ngoại vụ	4,00	2,00	7,00	2,50	4,00	3,00	6,00
20	Ban Dân tộc	1,00	0,00	4,00	2,50	3,00	3,00	4,00
Điểm trung bình		5,21	6,95	8,70	5,09	6,58	2,95	5,75
Giá trị trung bình (%)		49,64	60,43	91,58	78,27	62,62	98,33	54,76

Giá trị trung bình của các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực đã phản ánh kết quả đạt được của 20 sở, ban, ngành trong triển khai từng nội dung CCHC:

Có 2 Chỉ số thành phần đạt giá trị trung bình trên 90%, là: Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính và Lĩnh vực cải cách tài chính công. Lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy hành chính có giá trị trung bình đạt trên 70%. Riêng lĩnh vực Công tác chỉ đạo điều hành CCHC có giá trị trung bình đạt thấp nhất dưới 50%.

Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp là 6 đơn vị đứng đầu về Chỉ số thành phần Cải cách thủ tục hành chính, đạt kết quả 100%. Ban Dân tộc tỉnh là đơn vị đứng cuối Chỉ số thành phần Cải cách thủ tục hành chính, với kết quả là 42,11%.

Tại lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy hành chính, có 05 đơn vị dẫn đầu cùng đạt 100% số điểm, gồm các Sở: Tư pháp, Giao thông - Vận tải, Nội vụ và Xây dựng. Sở Ngoại vụ và Ban dân tộc là 02 đơn vị xếp ở vị trí cuối cùng đạt 38,46% ở lĩnh vực này.

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính có kết quả thấp nhất trong số 7 lĩnh vực của Chỉ số CCHC, với giá trị trung bình 49,64%. Sở Giao thông - Vận tải và Sở Nội vụ cùng có kết quả 76,19% xếp vị trí thứ nhất lĩnh vực Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính. Trong khi đó, Ban Dân tộc có kết quả thấp nhất 9,52%.

Tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị dẫn đầu, đạt 85,71% số điểm ở lĩnh vực này. Ban Dân tộc xếp ở vị trí cuối cùng đạt Chỉ số thành phần 28,57%.

Lĩnh vực Hiện đại hóa hành chính có kết quả thấp trong số 7 lĩnh vực của Chỉ số CCHC chỉ đạt trên lĩnh vực Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, với giá trị trung bình 54,76%. Sở Khoa học và Công nghệ đạt chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính cao nhất 85,71%. Trong khi đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Chỉ số thành phần Hiện đại hóa hành chính thấp nhất với kết quả là 23,81%.

2. Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các huyện, thành phố

a) Chỉ số tổng hợp

Số TT	Tên đơn vị	Kết quả đánh giá năm 2017					
		Điểm tự đánh giá của huyện, thành phố (tối đa 62 điểm)	Điểm UBND tỉnh thẩm định (tối đa 62 điểm)	Điểm đánh giá tác động (tối đa 5,5 điểm)	Điểm điều tra XHH (tối đa 32,5 điểm)	Tổng điểm đạt được (tối đa 100 điểm)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	51,50	42,25	2,50	19,87	64,62	

2	Huyện Sơn Hà	42,75	40,50	2,50	20,00	63,00	
3	Huyện Bình Sơn	59,00	38,50	2,00	20,25	60,75	
4	Huyện Mộ Đức	51,75	36,50	3,00	21,08	60,58	
5	Huyện Tư Nghĩa	51,50	35,50	2,00	22,12	59,62	
6	Huyện Đức Phổ	43,00	34,50	3,00	20,90	58,40	
7	Huyện Ba Tơ	52,25	34,00	2,00	21,00	57,00	
8	Huyện Trà Bồng	41,00	33,25	1,50	21,16	55,91	
9	Huyện Sơn Tịnh	56,00	30,00	3,00	20,96	53,96	
10	Huyện Minh Long	57,25	30,00	2,00	20,75	52,75	
11	Huyện Nghĩa Hành	51,75	29,00	2,00	20,95	51,95	
12	Huyện Sơn Tây	45,25	29,25	1,00	20,29	50,54	
13	Huyện Lý Sơn	48,25	29,00	1,00	18,90	48,90	
14	Huyện Tây Trà	32,50	11,00	1,00	19,45	31,45	
Trung bình		48,84	32,38	2,04	20,55	54,96	

Theo kết quả đánh giá, Chỉ số CCHC năm 2017 của 14 huyện, thành phố đạt điểm trung bình 54,96 điểm, giá trị trung bình đạt 56,37 % (*trừ 2,5 điểm các huyện chưa khảo sát về chất lượng cung cấp dịch vụ công*); trong đó, có 08/14 huyện, thành phố đạt kết quả trên giá trị trung bình; gồm huyện: Sơn Hà, Bình Sơn, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Đức Phổ, Ba Tơ, Trà Bồng và thành phố Quảng Ngãi; 06 huyện còn lại: Sơn Tịnh, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Tây, Lý Sơn, Tây Trà đạt kết quả dưới giá trị trung bình.

Thành phố Quảng Ngãi là địa phương đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2017 với kết quả Chỉ số đạt được là 64,62%; huyện Tây Trà là địa phương có Chỉ số CCHC năm 2017 đứng cuối bảng xếp hạng, đạt 31,45%, thấp hơn 33,17% so với vị trí dẫn đầu.

b) Các chỉ số thành phần

SỐ TT	UBND huyện, TP /Tiêu chí	Điểm UBND tỉnh đánh giá các tiêu chí								
		Công tác chỉ đạo điều hành CC HC (tối đa 8,5 điểm)	XD và tổ chức thực hiện văn bản QPPL (tối đa 7,5 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 9 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 6,5 điểm)	XD và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CC, VC (tối đa 9,5 điểm)	Cải cách tài chính công (tối đa 4 điểm)	Hiện đại hóa nền hành chính (tối đa 9 điểm)	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (tối đa 8 điểm)	Điểm đánh giá tác động (tối đa 5,5 điểm)
1	TP Quảng Ngãi	6,50	4,50	8,00	5,50	7,00	2,50	4,00	4,25	2,50
2	Sơn Hà	6,00	3,00	6,50	6,50	5,75	2,50	5,50	4,75	2,50
3	Bình Sơn	6,00	2,00	5,00	6,00	6,25	3,50	4,00	5,75	2,00
4	Mộ Đức	5,00	5,50	7,00	4,50	5,00	2,50	4,00	3,00	3,00
5	Tư Nghĩa	4,50	4,00	6,00	4,50	5,25	4,00	4,00	3,25	2,00
6	Đức Phổ	4,25	2,50	8,00	4,50	5,00	2,50	3,50	4,25	3,00
7	Ba Tơ	2,75	6,00	8,00	2,50	5,00	2,00	3,75	4,00	2,00
8	Trà Bồng	4,75	1,50	8,50	4,50	4,00	2,50	3,50	4,00	1,50
9	Sơn Tịnh	5,00	3,50	5,00	4,00	4,25	2,50	3,00	2,75	3,00
10	Minh Long	3,00	0,50	6,50	3,50	6,75	2,50	4,00	3,25	2,00
11	Nghĩa Hành	5,00	1,00	8,00	2,50	4,50	2,00	2,25	3,75	2,00
12	Sơn Tây	3,50	3,00	6,00	4,50	4,25	2,50	1,75	3,75	1,00
13	Lý Sơn	5,00	1,00	4,50	5,00	4,25	2,50	2,50	4,25	1,00
14	Tây Trà	0,50	0,00	3,25	2,50	3,25	0,00	0,50	1,00	1,00
Điểm trung bình		4,41	2,71	6,45	4,32	5,04	2,43	3,30	3,71	2,04
Giá trị trung bình (%)		51,89	36,19	71,63	66,48	53,01	60,71	36,71	46,43	37,01

- Các chỉ số thành phần đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của các huyện, thành phố:

Trong số 08 lĩnh vực đánh giá, Cải cách thủ tục hành chính là lĩnh vực có kết quả Chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao nhất, đạt 71,63%. Tiếp theo là giá trị trung bình của các Chỉ số thành phần: Cải cách tổ chức bộ máy, đạt 66,48%; huyện Sơn Hà là địa phương đạt điểm số tối đa trong Chỉ số thành phần này 6,5 điểm, đạt 100%; Cải cách tài chính công, đạt 60,71%, địa phương đạt điểm số tối đa trong Chỉ số thành phần này là huyện Tư Nghĩa 4 điểm, đạt 100%; Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL có giá trị trung bình thấp nhất, đạt 36,19%, trong đó huyện Tây Trà là địa phương có kết quả thấp nhất trong bảng xếp hạng: 0%.

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, đạt giá trị trung bình 51,89%. Theo thống kê, thành phố Quảng Ngãi đứng đầu về Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính đạt 76,47%, cao gấp 13 lần so với địa phương đứng cuối là huyện Tây Trà, chỉ đạt 5,88%.

Cải cách thủ tục hành chính, đạt giá trị trung bình cao nhất trong 8 lĩnh vực, đạt 71,63%. Huyện Trà Bồng là địa phương đạt tỷ lệ điểm cao nhất ở Chỉ số này, đạt 94,44%; Tây Trà là địa phương có kết quả Chỉ số thành phần Cải cách thủ tục hành chính thấp nhất, đạt 36,11%.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt giá trị trung bình 53,01%. Thành phố Quảng Ngãi là địa phương được đánh giá cao nhất với tỷ lệ điểm đạt được là 73,68%, trong đó Tây Trà là huyện đứng cuối, đạt tỷ lệ điểm đánh giá là 34,21%.

Cải cách tài chính công, đạt giá trị trung bình 60,71%. Huyện Tư Nghĩa đứng vị trí thứ nhất trên bảng xếp hạng với tỷ lệ điểm đạt được là 100%. Tây Trà là địa phương có kết quả thấp nhất với tỷ lệ điểm là 0%.

Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính có giá trị trung bình thấp với kết quả đạt 36,71%. Huyện Sơn Hà là đơn vị dẫn đầu về Chỉ số thành phần này với tỷ lệ điểm đạt 61,11%, đơn vị đứng cuối bảng xếp hạng là huyện Tây Trà chỉ đạt tỷ lệ điểm là 5,56%, kém hơn 11 lần so với đơn vị dẫn đầu.

Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đạt giá trị trung bình 46,43%. Đứng đầu lĩnh vực này là huyện Bình Sơn với kết quả đạt 71,88%, trong khi đó, huyện Tây Trà là đơn vị có kết quả thấp nhất với tỷ lệ điểm đánh giá chỉ đạt 12,50%, kém hơn 5,7 lần so với đơn vị dẫn đầu.

- Chỉ số thành phần đánh giá tác động của CCHC đến sự phát triển Kinh tế - Xã hội: Theo kết quả đánh giá, Chỉ số đánh giá tác động của CCHC tại các huyện, thành phố có giá trị trung bình là 37,01%. Trong đó, 5/14 địa phương đạt kết quả Chỉ số trên giá trị trung bình. Huyện Mộ Đức và Đức Phổ là hai địa phương dẫn đầu về kết quả Chỉ số Đánh giá tác động của CCHC, cùng đạt 54,55%. 03 huyện đứng cuối Chỉ số này là Sơn Tây, Lý Sơn và Tây Trà đều có tỷ lệ điểm đánh giá chỉ đạt 18,18%.

3. Tồn tại, hạn chế

Năm 2017 là năm đầu tiên triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC theo Quyết định số 529/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Qua kết quả Chỉ số CCHC năm 2017 cho thấy có sự nỗ lực cố gắng chung của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trong triển khai công tác CCHC, phản ánh thực chất kết quả thực hiện CCHC; Tuy nhiên, kết quả đạt được không cao, giá trị trung bình cấp sở đạt 66,19%, cấp huyện đạt 56,37%. Đặc biệt vẫn còn một số lĩnh vực điểm số đạt quá thấp như: Công tác chỉ đạo điều hành cấp sở, giá trị trung bình đạt 49,64%; Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản qui phạm pháp luật cấp huyện, đạt 36,19%; Hiện đại hóa hành chính cấp huyện, đạt 36,71%; Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đạt 46,43% và đánh giá tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đạt 37,01%.

4. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của một số sở, ban, ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Vai trò trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan trong CCHC chưa cao, chưa quyết liệt trong triển khai CCHC; công tác xây dựng, tổ chức thực hiện thể chế còn hạn chế, vẫn còn tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chất lượng chưa cao; còn tình trạng sở, ngành, địa phương ban hành các quy định thủ tục hành chính trái thẩm quyền; tham mưu công bố, công khai thủ tục hành chính còn chậm, chưa đúng quy định...; một số nơi còn bỏ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý khi chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; việc hoàn thiện Đề án xác định vị trí việc làm đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp còn chậm; ứng dụng công nghệ thông tin chưa đạt kết quả theo yêu cầu...

- Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp ở một số nơi chưa thường xuyên và quyết liệt;

- Người đứng đầu ở một số cơ quan hành chính và cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác CCHC nên thiếu kiểm tra, chưa có quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện; công tác thông tin tuyên truyền CCHC chưa được sâu, rộng, chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa trong đại bộ phận người dân, doanh nghiệp;

- CCHC chưa đồng bộ với đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng và hoạt động của hệ thống chính trị;

- Công tác quản lý cán bộ, công chức của một số sở, ngành, địa phương chưa chặt chẽ; phân công, phân nhiệm chưa rõ ràng, rành mạch. Nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức còn xuê xoa, nể nang, chưa lấy hiệu quả công việc làm thước đo; chưa tạo động lực, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức thiếu nghiêm túc trong việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; chất lượng giải quyết công việc còn thấp, có biểu hiện những nhieu, tiêu cực, nhưng việc xử lý chưa nghiêm. Thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cấp chính quyền chưa thường xuyên, tác dụng thấp;

- Nguồn lực phục vụ cho công tác CCHC, nhất là hiện đại hóa nền hành chính còn hạn chế.

III. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian đến

1. Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện các nội dung, yêu cầu, trách nhiệm triển khai xác định Chỉ số CCHC và sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số CCHC hàng năm trong công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá CCHC. Đưa nội dung Chỉ số CCHC là một trong những nội dung làm việc và kiểm tra về CCHC của Lãnh đạo Ban chỉ đạo tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương quan tâm bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố

Để cải thiện và nâng cao các chỉ số trên trong năm 2018 và những năm tiếp theo, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố ngoài việc triển khai thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018; tập trung chỉ đạo điều hành quyết liệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả Chỉ số CCHC năm 2017, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm, khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện CCHC, qua đó duy trì hoặc cải thiện Chỉ số CCHC của mình.

- Tham mưu xây dựng văn bản QPPL hàng năm đảm bảo đúng quy trình, theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền giao; xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm để triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện đúng thời gian quy định; xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi, kiểm tra.

- Đề xuất những sáng kiến, cách làm hay trong cải cách hành chính; gắn kết quả thực hiện cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng;

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Bố trí công chức, viên chức đúng cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo Đề án vị trí việc làm đã được duyệt;

- Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí, quy trình đánh giá cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trên cơ sở lượng hóa cụ thể kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; Xây dựng Đề án tinh giản biên chế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho tổ chức và công dân.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý, nhất là cán bộ, công chức giải quyết công việc liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích chính đáng, thiết thực của tổ chức, công dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, chính xác, sát với tình hình triển khai và kết quả đạt được trong CCHC. Kịp thời rà soát, phản ánh, kiến nghị những vấn đề chưa hợp lý về nội dung, phương pháp xác định Chỉ số CCHC để nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp và được công bố đúng thời gian quy định.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, chú trọng công tác theo dõi, đánh giá, tổng hợp, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý trên từng lĩnh vực một cách thống nhất, chính xác, khách quan, cập nhật thường xuyên, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước nói chung, công tác xác định Chỉ số CCHC hàng năm, nói riêng.

- Trong thời gian tới, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố phối hợp với Sở Nội vụ nghiên cứu điều chỉnh một số nội dung, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ điểm đánh giá, đối tượng khảo sát, phương thức khảo sát xác định Chỉ số CCHC cho những năm tiếp theo. Phối hợp xây dựng, triển khai áp dụng phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC để thực hiện việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm chính xác, kịp thời, hiệu quả hơn, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành và địa phương.

Trên đây là kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của các sở, ngành địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (*báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban TĐKT tỉnh (Sở Nội vụ);
- VPUB: CVP, PCVP (NC), KSTTHC, CBTH;
- Lưu: VT, NC, vi307.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng